

Name: \_\_\_\_\_

Date: .../.../2023

Class: S8

Tel: 038 255 2594

**GLOBAL ENGLISH 8: UNIT 9 – MUSIC**  
**VOCABULARY 2**

**A. VOCABULARY**

*\*Lưu ý: Các từ vựng mở rộng thầy cô cho ghi trong vở (nếu có) và các từ vựng mở rộng trong phiếu để có chú thích nghĩa: con về nhà chép mỗi từ 1 dòng để ghi nhớ nhé.*

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	<b>percussion</b> (n)	bộ gõ (dụng cụ chơi nhạc)	13	<b>melody</b> (n)	giai điệu
2	<b>percussionist</b> (n)	người chơi nhạc cụ gõ	14	<b>countless</b> (a)	vô số
3	<b>extract</b> (n)	đoạn trích	15	<b>readily</b> (adv)	sẵn sàng
4	<b>mourn</b> (v)	than khóc, thương tiếc	16	<b>transcend</b> (v)	vượt qua
5	<b>pattern</b> (n)	mẫu	17	<b>soothe</b> (v)	xoa dịu, dỗ dành
6	<b>behavioral response</b> (n)	phản ứng hành vi	18	<b>clutch</b> (v)	giữ chặt
7	<b>diverge</b> (v)	khác nhau	19	<b>wrack</b> (v)	tàn phá
8	<b>be shaped by</b>	được hình thành bởi	20	<b>nightmare</b> (n)	con ác mộng
9	<b>hostile</b> (a)	thù địch	21	<b>prodigy</b> (n)	thần đồng
10	<b>stagger</b> (v)	sững sốt, kinh ngạc	22	<b>dissuade</b> (v)	can ngăn
11	<b>underlie</b> (v)	làm nền tảng	23	<b>anticipate</b> (v)	lường trước, đoán trước
12	<b>rhythm</b> (n)	nhịp điệu			

\*Note: n – noun: danh từ; v – verb: động từ;  
a – adjective: tính từ; adv – adverb: trạng từ

\* Con học thuộc nghĩa của từ, chép mỗi từ 1 dòng vào vở ghi và chỉnh phát âm theo từ điển.

**B. HOMEWORK**

**I. Complete the following sentences using the correct forms of the given words.**

0. Our values and beliefs can be **shaped** by our own experiences and the people surrounding us. (SHAPELESS)

1. The researcher studied the \_\_\_\_\_ response of the animal to the changing environment. (BEHAVE)

2. The message of the film is that love can \_\_\_\_\_ everything else. (TRANSCENDENT)

3. Her feet made a steady \_\_\_\_\_ as she walked on the pavement. (RHYMTHIC)

4. The tone of the final report isn't likely to \_\_\_\_\_ much from the earlier report. (DIVERGENT)

5. As the concert hall lights *dimmed* (tối dần), the audience fell silent and waited patiently for the arrival of the young \_\_\_\_\_ who had taken the music world by storm. (PRODIGIOUS)



C. FCE PRACTICE

CHECKPOINT SECONDARY – APRIL 2019 - PAPER 1 – READING AND USAGE PART 1

Questions 1–10

Read the text below, and for each number, circle the correct word on the next page.

### Exploring

The wish to explore unknown places is **...(0)...** of human beings. People have always **...(1)...** about what they might find on the other side of a mountain, river or ocean, and explorers have always enjoyed the **...(2)...** of looking for new places. However, past explorers often couldn't **...(3)...** to pay for all the equipment they needed, so most of them asked rich traders for help. Traders hoped that the explorers **...(4)...** discover new goods to buy and sell, or new partners to do business with. Another **...(5)...** reason for exploring was to reduce the cost of transporting goods, **...(6)...** the discovery of new, shorter routes. If transport was less expensive, goods could be sold at cheaper prices. In **...(7)...** way, sellers could win more customers than their **...(8)...** .

Nowadays, people tend to explore in **...(9)...** to discover new plants and animals, or because they want to be the first person to **...(10)...** a particular goal.

**Example:**

0	typical	normal	usual	general	
1	considered	supposed	wondered	imagined	[1]
2	challenge	occasion	attempt	event	[1]
3	afford	spend	allow	spare	[1]
4	will	may	would	should	[1]
5	ordinary	common	average	plain	[1]
6	along	within	among	through	[1]
7	the	some	this	a	[1]
8	enemies	competitors	contacts	colleagues	[1]
9	addition	case	fact	order	[1]
10	achieve	succeed	gain	perform	[1]

CHECKPOINT SECONDARY – APRIL 2019 - PAPER 1 – READING AND USAGE PART 2

Complete the emails. For questions 11–20, write ONE word for each space.

Example: (0) ..... *done* .....

	To:	Penny
	From:	Sam

Hi Penny,

Guess what – I've (0) ..... *done* ..... something silly! I forgot to bring my notebook home (11) ..... school today. I think it might still (12) ..... in the classroom. It's where I wrote down all the details (13) ..... the homework we need to do by tomorrow. I remember (14) ..... were some maths exercises, but can you let (15) ..... know what the page numbers were?

Sam

	To:	Sam
	From:	Penny

Hi Sam,

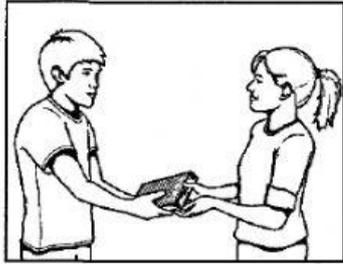
No problem! Mr Scott said we (16) ..... read pages 20–25. We (17) ..... doing a quiz tomorrow, so make (18) ..... you read them carefully! And (19) ..... you forget the science homework too? Mrs Hinton wants (20) ..... all to complete exercise 4 by Friday. Good luck!

Penny

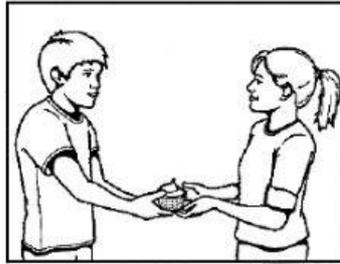
Các con mở link nghe sau đây bằng máy tính: <https://tinyurl.com/49fzv7ws>

For each question, there are three pictures and a short recording.  
Choose the correct picture and circle the letter A, B or C below it.

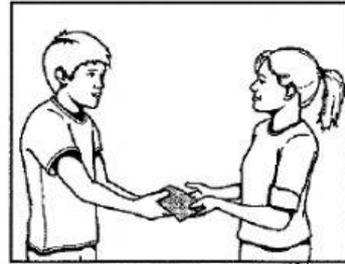
Example: Why did Jason visit Ally?



A

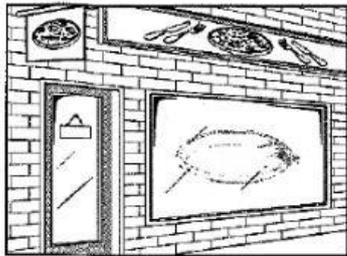


B



C

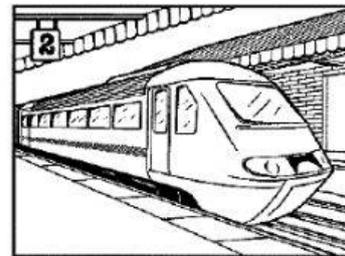
1 Where are the boy and girl going to meet?



A



B



C

[1]

2 How much money did the girl's aunt give her?



A

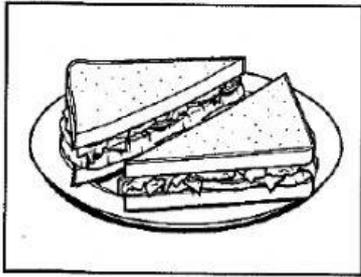


B

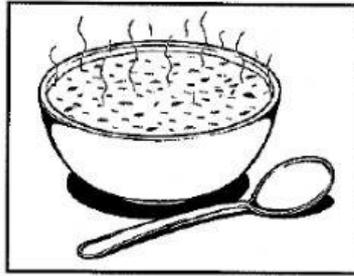


C

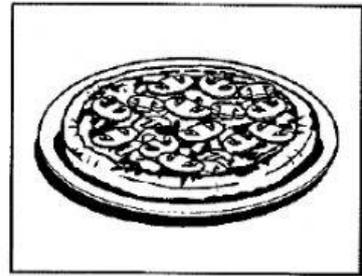
3 What will the boy have for lunch?



A



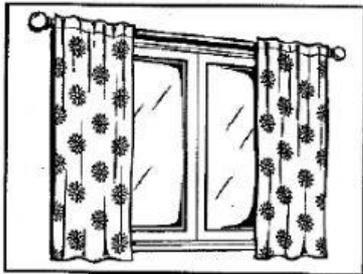
B



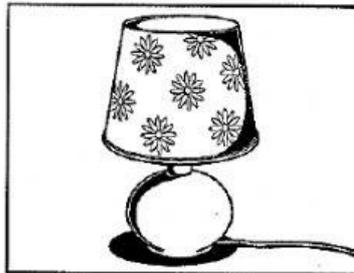
C

[1]

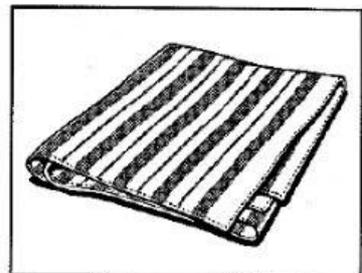
4 What does the girl want for her bedroom?



A



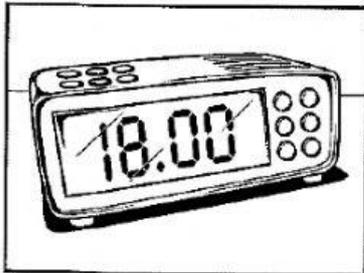
B



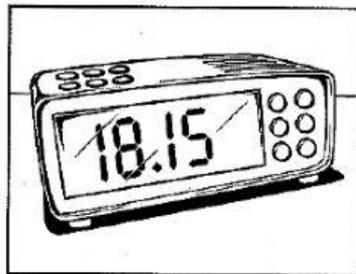
C

[1]

5 What time are they meeting Mum at the cinema tonight?



A



B



C

[1]

**I. Write the missing English letters that match the given Vietnamese meanings.**

No.	Vietnamese	English
1	danh mục các tác phẩm/ kịch bản (n)	r _____
2	anh, chị, em ruột (n)	s _____
3	có tài, có năng khiếu (a)	g _____
4	vị trí dẫn đầu/ vị trí đầu hàng trong cuộc đua xe (n)	p _____ p _____
5	phòng họp dành cho ban điều hành (n)	b _____
6	ứng biến (v)	i _____
7	đoàn biểu diễn (n)	e _____
8	tự phát (a)	s _____
9	giác quan (n)	s _____
10	thân thiết (a)	i _____

**II. Fill in the blanks with the given words in the box. Capitalize if necessary.**

intense	strikingly	multisensory	debut
---------	------------	--------------	-------

1. \_\_\_\_\_ instruction is a way of teaching that engages more than one sense at a time.
2. The President is under \_\_\_\_\_ pressure to resign.
3. She made her professional stage \_\_\_\_\_ in Swan Lake.
4. The two polls produced \_\_\_\_\_ different results.

**\*Lưu ý:** Với những từ con không nhớ và viết sai, con viết từ đó vào vở 2 dòng.